

Bản án số: **01/2023/KDTM-ST**.

Ngày: **08/5/2023**

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG-TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Khanh** và bà **Khuông Thị Lơ**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Xoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2023/TLST-KDTM ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc *“Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2023, Quyết định Hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐ-HPT ngày 21/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)**.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng – Chức vụ: Tổng giám đốc Agribank.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Anh Đ – Chức vụ: Giám đốc Agribank - Chi nhánh huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (theo giấy ủy quyền số 2665/QĐ-NHNN.PC ngày 01/12/2022).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Ngô Văn T – Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh Cẩm Giàng (theo giấy ủy quyền số 51/UQ/NHNN.CG ngày 17/01/2023). Địa chỉ: Khu Thống Nhất, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1964 và bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1968.

Đều đăng ký hộ khẩu và cư trú: Thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

(Ông T có mặt tại phiên tòa, ông T1 và bà H đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Agribank) trình bày:

Ngày 26/10/2015, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cẩm Giàng Hải Dương (sau đây gọi tắt là Agribank) ký Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2610/HĐTD với ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H, Địa chỉ: Thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; Trong đó: Hạn mức cho vay tối đa: **4.500.000.000đồng** (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng), thời hạn hạn mức tín dụng 12 tháng từ ngày 26/10/2015 đến ngày 26/10/2016. Mục đích vay vốn: Mua bán hàng nông sản. Tại thời điểm hai bên ký kết Hợp đồng thì vợ chồng ông T1g và bà H có ký Hợp đồng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất theo Hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất số 5601 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 5602 ngày 05/06/2015 để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2610/HĐTD ngày 26/10/2015. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản, Agribank đã cấp cho vợ chồng ông T1 bà H một hạn mức tín dụng là **4.400.000.000đồng** (Bốn tỷ bốn trăm triệu đồng), với số tiền trên thì bên vay đã nhận tiền vay và mức lãi suất cụ thể như sau: Ngày 15/06/2015, ông T1 nhận nợ số tiền 766.233.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, ngày đến hạn trả là 25/04/2016; Ngày 23/06/2015, ông T1 nhận nợ số tiền 1.410.000.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, ngày đến hạn trả là 15/05/2016; Ngày 29/06/2015, ông T1 nhận nợ số tiền 670.000.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, ngày đến hạn trả là 20/05/2016; Ngày 07/07/2015, ông T1 nhận nợ số tiền 410.000.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, ngày đến hạn trả là 20/05/2016; Ngày 10/07/2015, ông T1 nhận nợ số tiền 183.767.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, ngày đến hạn trả là 20/05/2016; Ngày 18/08/2015, ông T1 nhận nợ số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, ngày đến hạn trả là 20/06/2016; Ngày 09/09/2015, ông T1 nhận nợ số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, ngày đến hạn trả là 20/07/2016; Ngày 26/10/2015, ông T1 nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, ngày đến hạn trả là 20/08/2016.

Kể từ ngày 25/4/2016, vợ chồng ông T1 bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Agribank đã đôn đốc nhiều lần nhưng ông T1, bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết.

Vì vậy, Agribank đã thông báo xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi trả nợ cho Agribank. Ông T1 bà H hoàn toàn đồng ý, đã cùng Agribank - Chi nhánh huyện Cẩm Giàng kê biên tài sản và bàn giao cho Agribank để xử lý tài sản bảo đảm thu hồi nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp tài sản. Tính đến ngày 25/8/2017 vợ chồng ông T1, bà H đã trả Agribank được tổng số tiền gốc là 1.820.847.820 đồng.

Việc ông T1 và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận hai bên cam kết đã ký tại Hợp đồng. Mặt khác, nhiều lần thể hiện thái độ không hợp tác với ngân hàng thông qua việc cán bộ quản lý khoản vay và lãnh đạo nhiều lần liên hệ làm việc nhưng ông T1 và bà H từ chối làm việc. Agribank đã nhiều lần đơn đốc yêu cầu khách hàng trả nợ thông qua các thông báo và biên bản làm việc cụ thể như sau: Biên bản làm việc đơn đốc ngày 27/04/2016; Thông báo v/v bổ sung tài sản thế chấp ngày 20/05/2016; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 25/06/2016; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 25/7/2016; Thông báo v/v bổ sung tài sản thế chấp ngày 25/08/2016; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 10/9/2016; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 10/10/2016; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 15/11/2016; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 15/12/2016; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 20/01/2017; Thông báo v/v bổ sung tài sản thế chấp ngày 10/02/2017; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 16/02/2017; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 15/3/2017; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 20/05/2017; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 10/07/2017; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 25/09/2017; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 17/12/2017; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 28/02/2018; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 28/05/2018; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 20/09/2018; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 27/12/2018; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 11/03/2019; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 10/06/2019; Thông báo v/v bổ sung tài sản thế chấp ngày 10/08/2019; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 09/09/2019; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 10/12/2019; Thông báo v/v bổ sung tài sản thế chấp ngày 10/12/2019; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 01/05/2020; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 01/08/2020; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 01/12/2020; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 01/04/2021; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 01/08/2021; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 01/11/2021; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 07/03/2022; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 27/06/2022; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 29/09/2022; Biên bản làm việc đơn đốc ngày 14/12/2022.

Tuy nhiên, đến ngày **10/10/2019**, Agribank thu nợ gốc 4.000.000 đồng từ tài khoản theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và từ đó cho đến nay vợ

chồng ông T1, bà H không trả cho Agribank được đồng nào. Do vậy, Agribank khởi kiện ông T1 bà H, tạm tính ngày 31/01/2023 ông T1, bà H còn nợ Agribank là 3.601.609.504 (*Ba tỷ, sáu trăm linh một triệu, sáu trăm linh chín nghìn, năm trăm linh bốn đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 2.575.152.180 đồng; nợ lãi: 1.026.457.324đồng.

Như vậy, Agribank xác định vợ chồng ông T1 bà H đã vay tổng số tiền gốc của Agribank là **4.400.000.000đ**; đã trả được số tiền gốc là: (1.820.847.820 đ + 4.000.000đồng) = **1.824.847.820đ**. Ông T1 bà H còn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ Agribank số tiền gốc là **2.575.152.180đồng** và toàn bộ lãi phát sinh, đối với khoản nợ gốc và lãi còn lại nêu trên không có tài sản nào bảo đảm. Tạm tính đến hết ngày 08/5/2023 (ngày xét xử), tổng dư nợ của ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại Agribank Chi nhánh huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương là: 3.635.331.122 VNĐ (*Trong đó nợ gốc là 2.575.152.180 đồng; nợ lãi trong hạn là: 1.060.178.942 đồng*) (lãi quá hạn Ngân hàng đã miễn cho ông T1 bà H). Vì vậy, Agribank - Chi nhánh huyện C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải quyết cụ thể:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam(Agribank) yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T1 g và bà Phạm Thị H phải trả cho Agribank số tiền tạm tính đến ngày 08/5/2023 là 3.635.331.122 đồng (*Trong đó nợ gốc là 2.575.152.180 đồng; nợ lãi trong hạn là: 1.060.178.942 đồng*) (lãi quá hạn Ngân hàng đã miễn cho ông T1 bà H).

2. Đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H phải tiếp tục trả lãi lãi phát sinh Hợp đồng tín dụng số 2610/HĐTD ngày 26/10/2015 cho đến ngày thực tế ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H trả hết toàn bộ nợ cho Agribank.

3. Trường hợp ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Agribank thông qua Agribank Chi nhánh huyện C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào, nguồn thu nhập hợp pháp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông T1, bà H phải chịu án phí và các khoản chi phí khác (nếu phải thi hành) theo pháp luật.

Ngoài ra Agribank không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

** Theo biên bản lấy lời và đơn trình bày của bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H xác định: Vào khoảng năm 2015 ông bà có vay vốn tại*

Ngân hàng Agribank – Chi nhánh huyện Cẩm Giàng, ông bà xác định có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2610/HĐTD, được cấp tối đa: 4.500.000.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm triệu đồng*), thời hạn hạn mức tín dụng 12 tháng từ ngày 26/10/2015 đến ngày 26/10/2016. Mục đích vay vốn: Mua bán hàng nông sản. Mục đích vay vốn, ông bà vay vốn của Agribank để đáp ứng việc kinh doanh nông sản của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Xuân Lộc, do bà (Phạm Thị H là người đại diện theo pháp luật - giám đốc của Công ty cổ phần chế biến xuất nhập khẩu nông sản X. Tuy nhiên, sau khi vay vốn để làm ăn thì đối tác của Công ty ở bên Ucraina bị nội chiến nên khách hàng không thực hiện hợp đồng thanh toán tiền mua hàng, hàng đặt theo kế hoạch 01 năm cũng bị hủy. Vì vậy, cả Công ty X và ông bà đều bị mất dòng tiền để thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đúng hạn cho Agribank. Mặt khác, do Công ty X mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng nguồn tài chính không đáp ứng đủ nên ông bà đã phải sử dụng tài sản chung của vợ chồng ông bà để thế chấp đảm bảo cho khoản vay vốn của Agribank. Khoản vay của Agribank ông bà đã sử dụng 100% vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty X. Tuy nhiên, do khó khăn nên ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Agribank. Vì vậy, Agribank đã yêu cầu ông bà bàn giao hết tài sản để Agribank xử lý thu hồi trả nợ, đến nay ông bà không còn bất cứ tài sản thế chấp nào khác để đảm bảo cho khoản nợ còn lại của Agribank. Đối với yêu cầu khởi kiện của Agribank theo thông báo thụ lý vụ án thì Agribank yêu cầu ông bà phải thanh toán số nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2610/HĐTD số tiền tạm tính đến hết ngày 31/01/2023 là 3.601.609.504 đồng (*Ba tỷ, sáu trăm linh một triệu, sáu trăm linh chín nghìn, năm trăm linh bốn đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 2.575.152.180 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.026.457.324 đồng. Tuy nhiên, tại buổi làm việc ngày 24/02/2023 ông bà chưa nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Agribank, ông bà sẽ có ý kiến và quan điểm sau.

Tại đơn của ông T1, bà H ghi ngày 01/3/2023 có lời của công chứng viên tại Văn phòng công chứng Mỹ Đình, thành phố Hà Nội chứng thực gửi đến Tòa án: “Chúng tôi đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án trên qua dịch vụ bưu chính. Toàn bộ tài sản chung của chúng tôi, tài sản riêng của chúng tôi đều bị Ngân hàng phát mại từ những năm 2016-2017 để thu hồi nợ. Đến nay, chúng tôi không còn tài sản chung, không còn tài sản riêng, không có thu nhập vì công việc đem lại thi nhập chính từ Công ty cổ phần xuất nhập khẩu X đã không còn do Công ty không còn hoạt động. Chúng tôi không phủ nhận nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng nhưng thực sự không còn tài để trả nợ. Chúng tôi hiểu quyền và nghĩa vụ

của mình theo qui định của pháp luật nhưng những khó khăn trên là sự thật, chúng tôi không có/không còn khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Do vậy, chúng tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện C, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận những nội dung sau:

Thứ nhất: Chúng tôi đề nghị Tòa án căn cứ qui định của pháp luật và chính các văn bản mà Agribank đã cung cấp để giải quyết vụ án;

Thứ hai: Trường hợp Tòa án xét thấy cần thiết phải giám định chữ ký tại của bị đơn là chúng tôi tại Hợp đồng tín dụng thì đề nghị Tòa án yêu cầu Ngân hàng cung cấp các văn bản gốc khác có chữ ký của bị đơn hoặc chữ ký của chúng tôi trong đơn này để làm tài liệu so sánh, đề nghị không triệu tập bị đơn để lấy chữ ký làm tài liệu so sánh”.

Thứ ba: Bị đơn xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc do Tòa án tổ chức theo qui định của pháp luật (không giới hạn các buổi làm việc theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự);

Thứ tư: Bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án cho bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm; đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn;

Thứ năm: Bị đơn đề nghị Tòa án gửi bản án cho bị đơn theo qui định tại khoản 2 Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự. Kính mong Tòa án và Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị trên của bị đơn.”. Ngoài ra bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông T1 và bà H theo địa chỉ ông bà yêu cầu nhưng đều không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, ông bà đã có ý kiến và có gửi đơn đề nghị Tòa án cho ông bà được vắng mặt tại tất cả tất cả các buổi làm việc do Tòa án tổ chức theo qui định của pháp luật (không giới hạn các buổi làm việc theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự). Trường hợp ông bà không có mặt làm việc theo triệu tập của Tòa án thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Agribank xác định vợ chồng ông Trọng, bà Huệ đã vay tổng số tiền gốc của Agribank là 4.400.000.000đ; đã trả được số tiền gốc là: 1.824.847.820đ. Số tiền gốc mà vợ chồng ông T1 bà H còn phải thực hiện trả cho Agribank là 2.575.152.180đồng và toàn bộ lãi phát sinh, đối với khoản nợ gốc và lãi còn lại này không có tài sản nào bảo đảm. Tạm tính đến hết ngày 08/5/2023 (ngày xét xử), tổng dư nợ của ông T1 và bà H (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại Agribank Chi nhánh huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương là: **3.635.331.122 đồng** (Trong đó nợ

gốc là 2.575.152.180 đồng; nợ lãi trong hạn là: 1.060.178.942 đồng) (lãi quá hạn Ngân hàng đã miễn cho ông T1 bà H). Buộc ông T1 và bà H phải trả cho Agribank tổng số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 08/5/2023 là **3.635.331.122 đồng**; đồng thời buộc ông T1 và bà H phải tiếp tục trả phần lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2610/HĐTD ngày 26/10/2015 cho đến ngày thực tế ông bà trả hết toàn bộ nợ cho Agribank. Trường hợp ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Agribank thông qua Agribank Chi nhánh huyện Cẩm Giàng Hải Dương có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào, nguồn thu nhập hợp pháp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Về án phí: Agribank đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông T1, bà H phải chịu án phí và các khoản chi phí khác (nếu phải thi hành) theo pháp luật. Bị đơn là ông T1, bà H có đơn gửi Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đề nghị áp dụng Điều 117; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H phải trả cho Ngân hàng Agribank số tiền nợ gốc là 2.575.152.180 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông T1, bà H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 2610 ngày 26/10/2015 cho đến khi ông T1, bà H trả hết nợ cho ngân hàng Agribank.

- Ngân hàng Agribank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào, nguồn thu nhập hợp pháp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T1, bà H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H phải chịu số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo qui định; Hoàn trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)- Chi nhánh huyện C số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, Tòa án xác định Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)- Chi nhánh huyện C và vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 bà Phạm Thị H là hai chủ thể có đăng ký kinh doanh, ký kết Hợp đồng đều vì mục đích lợi nhuận. Ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H đều đăng ký hộ khẩu và cư trú tại thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp Kinh doanh thương mại; bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn đã nhận thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án, có mặt tại Trụ sở Tòa án trình bày ý kiến và quan điểm, sau đó có đơn đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc do Tòa án tổ chức, đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự được tham gia tố tụng tại phiên tòa. HĐXX xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận ngày 26/10/2015 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C (sau đây gọi tắt là Agribank) ký Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2610/HĐTD với ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H. Địa chỉ: Thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương về việc Agribank cho vợ chồng ông T1 và bà H vay tiền **4.400.000.000 đồng (Bốn tỷ bốn trăm triệu đồng)**, thời hạn hạn mức tín dụng 12 tháng từ ngày 26/10/2015

đến ngày 26/10/2016. Mục đích vay vốn: Mua bán hàng nông sản. Căn cứ vào Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên thì tại thời điểm này hai bên ký kết Hợp đồng tín dụng này, vợ chồng ông T1, bà H có ký Hợp đồng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất theo Hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất số 5601 ngày 05/06/2015 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 5602 ngày 05/06/2015 để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2610/HĐTD ngày 26/10/2015 tại UBND xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng về việc thế chấp tài sản của mình là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 382 tờ, bản đồ số 5, diện tích 444m²; địa chỉ: thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 730965; số vào sổ cấp giấy: H 01731 QSDĐ/CV – CG, cấp ngày 22/12/2008 do UBND huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mang tên ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 227; tờ bản đồ số 5; diện tích 186m², địa chỉ: thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D0521815; số vào sổ cấp giấy: 1192 QSDĐ/CV – CB, cấp ngày 22/5/2002 do UBND huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mang tên ông Nguyễn Văn T1. Hợp đồng thế chấp ông bà ký kết nêu trên tại UBND xã Cẩm Văn và tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Hải Dương đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định, hoàn toàn hợp pháp. Mục đích ông bà ký hợp đồng thế chấp này là để đảm bảo cho khoản vay của mình tại Agribank, các đương sự thừa nhận các Hợp đồng được giao dịch trên hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), nhận thấy: Tại Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2610/HĐTD ngày 26/10/2015 giữa Ngân hàng Agribank - Chi nhánh huyện C với ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H đã ký kết có Hạn mức cho vay tối đa: **4.500.000.000đồng** (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng), thời hạn hạn mức tín dụng 12 tháng từ ngày 26/10/2015 đến ngày 26/10/2016. Mục đích vay vốn: Mua bán hàng nông sản. Căn cứ vào Hợp đồng hai bên đã ký, Agribank đã giải ngân cho vợ chồng ông T1 bà H vay số tiền là **4.400.000.000đồng** (Bốn tỷ bốn trăm triệu đồng), thời hạn hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 26/10/2015 đến ngày 26/10/2016. Mục đích vay vốn: Mua bán hàng nông sản. Bên vay nhận số tiền vay và ký tại các khế ước nhận nợ cụ thể: Ngày 15/06/2015, ông T1 nhận nợ số tiền 766.233.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, ngày đến hạn trả là 25/04/2016; Ngày 23/06/2015, ông T1 nhận nợ số tiền 1.410.000.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, ngày đến hạn trả là 15/05/2016; Ngày 29/06/2015, ông T1 nhận nợ

số tiền 670.000.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, ngày đến hạn trả là 20/05/2016; Ngày 07/07/2015, ông T1 nhận nợ số tiền 410.000.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, ngày đến hạn trả là 20/05/2016; Ngày 10/07/2015, ông T1 nhận nợ số tiền 183.767.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, ngày đến hạn trả là 20/05/2016; Ngày 18/08/2015, ông T1 nhận nợ số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, ngày đến hạn trả là 20/06/2016; Ngày 09/09/2015, ông T1 nhận nợ số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, ngày đến hạn trả là 20/07/2016; Ngày 26/10/2015, ông T1 nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, ngày đến hạn trả là 20/08/2016. Lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân/nhận nợ bắt buộc của từng khoản tiền vay, được ghi trong từng giấy (Khế ước) nhận nợ; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc; phương thức trả nợ: Trả gốc sẽ thanh toán vào ngày đáo hạn trên từng khế ước nhận nợ, còn tiền lãi ông T1, bà H phải thanh toán đúng như khế ước nhận nợ. Tuy nhiên, do ông T1, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các khoản nợ phát sinh quá hạn theo khế ước nhận nợ của vợ chồng ông T1 bà H là phải trả nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên Agribank đã miễn phần lãi quá hạn cho vợ chồng ông T1, bà H. Để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng ông T1, bà H thì ông bà đã sử dụng tài sản hợp pháp của mình là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 382 tờ, bản đồ số 5, diện tích 444m²; địa chỉ: thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 730965; số vào sổ cấp giấy: H 01731 QSDĐ/CV – CG, cấp ngày 22/12/2008 do UBND huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mang tên ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 227; tờ bản đồ số 5; diện tích 186m², địa chỉ: thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D0521815; số vào sổ cấp giấy: 1192 QSDĐ/CV – CB, cấp ngày 22/5/2002 do UBND huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mang tên ông Nguyễn Văn T1 được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5601 ngày 05/06/2015 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 5602 ngày 05/06/2015. Do vậy, HĐXX thấy rằng các bên tham gia đều có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung và mục đích của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập Hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng trình tự của pháp luật về tín dụng ngân hàng; tài sản thế chấp được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận và thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên thế chấp; Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm, phù hợp qui định tại Điều 91; Điều 95 Luật

các tổ chức tín dụng; Điều 116; Điều 117 của Bộ luật Dân sự nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia trong hợp đồng.

Do vợ chồng ông T1 và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Agribank đã yêu cầu ông T1 bà H bàn giao tài sản bảo đảm cho Agribank xử lý, các bên đều thống nhất thỏa thuận thực hiện nghĩa vụ để Agribank giải chấp toàn bộ tài sản sản đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng ông T1 bà H. Tính đến ngày 25/8/2017 thì vợ chồng ông T1, bà H đã trả Agribank được tổng số tiền là tiền gốc là **1.824.847.820đ**, được thể hiện cụ thể tại từng Giấy nhận nợ sau: Số giải ngân: 2306LDS201502113 trả tổng số tiền là 766.233.000 đồng (trong đó tiền gốc là 766.233.000đ; tiền lãi là 0 đ); Số giải ngân: 2306LDS201502269 trả được tổng số tiền là 1.054.614.820 đồng (trong đó tiền gốc là 1.054.614.820 đồng; tiền lãi là 0 đồng) và ngày 10/10/2019 Agribank thu nợ gốc 4.000.000đồng từ tài khoản theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông T1 bà H không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì khác ngoài tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp. Tuy nhiên, ông bà thừa nhận có ký Hợp đồng tín dụng với Agribank như Agribank trình bày là đúng, ông bà không phủ nhận nghĩa vụ trả nợ Agribank, hiểu quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật nhưng xác định do điều kiện kinh tế khó khăn, không có khả năng và không còn tài sản gì để trả nợ cho Agribank nên ông bà xin vắng mặt không tham gia tất cả các buổi làm việc tại Tòa án, xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các tài liệu do Ngân hàng cung cấp, đối trừ các khoản nêu trên thì xác định ông T1 và bà H không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký là vi phạm Nghĩa vụ trả nợ của bên vay qui định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, Agribank khởi kiện ông T1 bà H phải trả cho Agribank số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/5/2023) là: **3.635.331.122** đồng (Trong đó nợ gốc là 2.575.152.180 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.060.178.942 đồng) là đúng, phù hợp với quy định tại Điều 351 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T1 và bà H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Agribank toàn bộ số tiền trên; đồng thời tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2610/HĐTD và các khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2610/HĐTD của ông T1 và bà H, là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 382 tờ, bản đồ số 5, diện tích 444m²; địa chỉ: thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số phát hành AN 730965; số vào sổ cấp giấy: H 01731 QSDĐ/CV – CG, cấp ngày 22/12/2008 do UBND huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mang tên ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 227; tờ bản đồ số 5; diện tích 186m², địa chỉ: thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0521815; số vào sổ cấp giấy: 1192 QSDĐ/CV – CB, cấp ngày 22/5/2002 do UBND huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mang tên ông Nguyễn Văn T1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5601 ngày 05/06/2015 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 5602 ngày 05/06/2015 tại UBND xã Cẩm Văn và tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, ông bà đã thỏa thuận và phối hợp bàn giao tài sản cho Agribank xử lý thu hồi trả một phần nợ cho Ngân hàng. Nay các đương sự đều xác định không còn tài sản bảo đảm nêu trên, đều không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ này.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Agribank được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền án phí Agribank đã nộp tạm ứng. Ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của BLTTDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Những vấn đề khác: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cẩm Giàng Hải Dương (Agribank) xác định có ký Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2610/HĐTD với ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị H vào ngày 26/10/2015. Tuy nhiên, tài liệu do Agribank cung cấp và xác định tại khế ước nhận nợ ngày 15/06/2015 Agribank có giải ngân cho ông T1 nhận nợ số tiền 766.233.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, ngày đến hạn trả là 25/04/2016. Như vậy, xác định Agribank giải ngân cho bị đơn vay trước khi hai bên ký Hợp đồng tín dụng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Agribank xác định do vợ chồng ông T1 là khách hàng lâu năm, thường xuyên vay nhiều khoản nợ tại Agribank nên khi khách hàng cần gấp thì hai bên có thống nhất, thỏa thuận để Agribank có thể vận dụng, tạo điều kiện giải quyết kịp thời cho khách hàng, sau đó sẽ hoàn thiện thủ tục và ký Hợp đồng tín dụng sau nên thời gian nhận nợ trước thời gian ký Hợp đồng tín dụng như đã nêu ở trên. HĐXX thấy, Agribank trình bày giữa hai bên thống nhất, thỏa thuận về việc giải ngân cho bị đơn để giải quyết công việc kịp thời. Mặc dù, quá trình giải quyết vụ án bị đơn có đơn xin vắng mặt từ chối làm việc với Tòa án nên Tòa án không

tiến hành lấy lời khai của bị đơn về việc này được. Tuy nhiên, thực tế khoản vay tại khế ước nhận nợ ngày 15/06/2015 đã được bị đơn thừa nhận và chốt nợ tại các thời điểm với Ngân hàng, đã được tính tại thời điểm bị đơn bàn giao tài sản để Agribank xử lý đấu giá thu hồi một phần tiền gốc trả cho Agribank. Do vậy, xác định khoản vay thể hiện tại khế ước nhận nợ ngày 15/06/2015 nằm trong tổng số tiền vay 4.400.000.000đ mà Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông T1, bà H vay là có cơ sở, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH.

Căn cứ áp dụng Điều 116; Điều 117; Điều 351; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Điều 4; Điều 306 Luật Thương mại; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C. Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2610/HĐTD ngày 26/10/2015 và các khế ước nhận nợ tính đến hết ngày xét xử (ngày 08/5/2023) với tổng số tiền là **3.635.331.122đồng** (*Trong đó nợ gốc là 2.575.152.180 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.060.178.942 đồng*). Ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2610/HĐTD ngày 26/10/2015 mà hai bên đã ký, kể từ ngày 09/5/2023 cho đến khi trả hết nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C.

2. Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H phải chịu số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 104.706.000 đồng (*Một trăm linh bốn triệu, bảy trăm linh sáu ngàn đồng*);

- Hoàn trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **52.000.000đ**(*Năm mươi hai triệu đồng chẵn*) theo biên lai thu số AA/2021/0001811 ngày 07/02/2023, do ông Ngô Văn T nộp thay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt

Nam - Chi nhánh huyện C tại Chi cục thi hành án huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự là nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Tố Uyên